

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: **37/2017/DSST**

Ngày: 18/09/2017

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và nợ hụi”.*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: **Bà Lê Thị Hồng Tâm**

- Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Dương Tấn Đầu**

2. Bà Nguyễn Thị Thu Ba

- Thư ký phiên toà: **Bà Trần Thị Yến** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Quốc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc tham gia phiên tòa: **Ông Lê Văn Chung** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 09 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Quốc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2017/TLST-DS về việc: *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi”*, ngày 21 tháng 6 năm 2017, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50 /2017/QĐST-DS ngày 30 /8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị B**, sinh năm 1972

Địa chỉ: Tổ 11, khu phố T, thị trấn A Th, huyện P Q, tỉnh Kiên Giang.

2. Đồng bị đơn: Ông **Ngô Đình D**, sinh năm 1962 và bà **Huỳnh Thị L**, sinh năm 1962.

Bà Huỳnh Thị L ủy quyền cho ông Ngô Đình D theo giấy ủy quyền ngày 11/8/2017.

Cùng địa chỉ: Tổ 3, khu phố 4, thị trấn A Th, huyện P Q, tỉnh Kiên Giang.

(bà B, ông D có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai của bà Lê Thị B trình bày như sau:

Bà B với vợ chồng ông Ngô Đình D, bà Huỳnh Thị L là chỗ quen biết nên ngày 08/01/2011 bà cho vợ chồng ông D bà L vay 300.000.000đ không tính lãi suất gọi là tiền đầu nậu với điều kiện khi ông D đi đánh bắt hải sản có thì phải bán cho bà B, đến ngày 29/11/2012 vợ chồng ông D vay thêm 100.000.000đ. Trong thời gian làm ăn bà B có cho bà L tham gia chơi một chân hụi loại 5000.000đ/ tháng sau khi

hết hạn bà L ông D còn thiếu lại tiền hạn chưa đóng là 40.000.000đ và vay thêm 209.000.000đ.

Đến ngày 03/10/2014 ông D có viết giấy nhận nợ với bà B tổng cộng các khoản là 649.000.000đ, khi đó ghe ông D không hoạt động nữa do đánh bắt không hiệu quả, gia đình ông D không có khả năng trả nợ nên giao lại chiếc ghe cho bà B để trừ nợ, trị giá chiếc ghe là 430.000.000đ, trừ vào số tiền nợ 649.000.000đ thì vợ chồng ông D còn nợ bà B là 219.000.000đ, thấy hoàn cảnh gia đình ông D khó khăn nên bà B cho bớt 109.000.000đ tiền nợ, nên vợ chồng ông D chỉ còn nợ bà B là 110.000.000đ, trong đó có 40.000.000đ tiền hạn và 70.000.000đ tiền vay và cho trả dần, nhưng từ ngày 03/10/2014 cho đến nay vợ chồng ông D bà L không thực hiện việc trả nợ như đã hứa, mặc dù bà B nhiều lần nhắc nhở.

Nay bà B làm đơn khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết, buộc vợ chồng ông D bà L phải trả cho bà một lần số tiền là 110.000.000đ không yêu cầu tính lãi suất.

*** Đồng bị đơn ông Ngô Đình D và bà Huỳnh Thị L trình bày:**

Ông Ngô Đình D thừa nhận vợ chồng ông có nợ tiền bà B tổng cộng là 649.000.000đ, có giao một chiếc ghe cho bà B để trừ nợ là 430.000.000đ và bà B có cho bớt lại 109.000.000đ nên vợ chồng ông chỉ còn nợ bà B 110.000.000đ, trong đó 40.000.000đ tiền hạn và 70.000.000đ tiền vay, có ký giấy nhận nợ ngày 03/10/2014 như lời bà B trình bày, việc nợ tiền bà B không phải vợ chồng ông cố tình không trả nợ mà hiện tại gia đình ông rất khó khăn, tiền ông vay nợ của bà B, có một phần do bạn đi ghe mượn khi ghe ông D đánh bắt thất không hiệu quả thì bạn đi ghe bỏ đi làm cho ghe khác không trả lại tiền, nay ông D xin bà B cho bớt thêm 40.000.000đ còn lại 70.000.000đ vợ chồng ông trả dần mỗi tháng 2000.000đ

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán là chấp hành đúng theo quy định tại Điều 48 BLTTDS; vụ án được xác định đúng quan hệ pháp luật và đúng người tham gia tố tụng; Đối với Hội đồng xét xử chấp hành đúng pháp luật về trình tự thủ tục của phiên tòa sơ thẩm; Thư ký đã thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của thư ký đúng quy định pháp luật. Thời hạn xét xử vụ án đúng quy định pháp luật, do đó thủ tục tố tụng trong vụ án không vi phạm.

Đối với họ tên HTDN chính thức xét xử không đúng với họ tên trong quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng Thẩm phán đã công bố quyết định thay thế HTND và giải thích việc thay thế HTND cho đương sự biết thì các đương sự thống nhất và không có khiếu nại gì, việc thay thế Hội đồng thẩm không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự nên chấp nhận để Hội đồng tiến hành xét xử. Đối với bà Huỳnh Thị L là đồng bị đơn trong vụ án, bà L có văn bản ủy quyền cho ông D đại diện tham gia tố tụng tại Tòa, việc ủy quyền của bà L là phù hợp với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và diễn biến tại phiên tòa hôm nay, xét thấy đơn khởi kiện bà B yêu cầu vợ chồng ông D bà L trả số tiền còn nợ là 110.000.000đ là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ theo giấy nhận nợ ngày 03/10/2014 thì vợ chồng ông D còn nợ lại bà B 110.000.000đ, trong đó có 40.000.000đ là tiền hạn và 70.000.000đ tiền vay. Cũng như tại phiên hòa giải ngày 11/8/2017 và phiên tòa

ông D thừa nhận còn nợ bà B số tiền 110.000.000đ, nhưng xin bà B bớt số tiền 40.000.000đ còn lại 70.000.000đ xin trả hàng tháng 2000.000đ cho đến khi hết nợ, nhưng bà B không chấp nhận, nên không có cơ sở chấp nhận theo yêu cầu của ông D. Đối chiếu với các quy định pháp luật tại Điều 471; 474; 479 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 quy định về hui, họ, biếu, phòòng đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Lê Thị B với đồng bị đơn ông Ngô Đình D và bà Huỳnh Thị L là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hui. Quy định pháp luật để giải quyết trong vụ án này áp dụng Điều 471; 474; 479 BLDS năm 2005; Nghị định 144/2006NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hui, họ, biếu phòòng.

Tại phiên toà, bà Lê Thị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc vợ chồng ông D, bà L trả một lần số tiền nợ là 110.000.000 đ, không yêu cầu tính lãi, không chấp nhận việc vợ chồng ông D xin cho bớt 40.000.000đ cùng việc xin trả dần mỗi tháng 2000.000đ

Tại phiên Tòa hôm nay ông Ngô Đình D là đồng bị đơn cũng là người đại diện theo ủy quyền cho bà Huỳnh Thị L, thừa nhận còn nợ tiền bà B là 110.000.000đ, trong đó có 40.000.000đ tiền hui và 70.000.000đ tiền vay theo như giấy nhận nợ ngày 03/10/2014, nhưng xin bà B cho bớt vợ chồng ông 40.000.000đ, còn lại 70.000.000đ xin được trả mỗi tháng 2000.000đ cho đến khi hết nợ. Đối với yêu cầu xin cho bớt tiền nợ và xin được trả dần mỗi tháng của vợ chồng ông D không được bà B đồng ý nên HĐXX không có cơ sở chấp nhận.

Do đó, yêu cầu của bà Lê Thị B buộc vợ chồng ông Ngô Đình D, bà Huỳnh Thị L phải trả 40.000.000đ tiền hui và 70.000.000đ tiền vay, tổng cộng 110.000.000 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Ông Ngô Đình D và bà Huỳnh Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền buộc phải trả cho bà B $110.000.000\text{đồng} \times 5\% = 5.500.000\text{đ}$

Bà Lê Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: các Điều 26, 35, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng: Điều 471; 474; 479 Bộ luật dân sự 2005;
- Áp dụng Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về Hui, họ, biếu phòòng; Điều 48 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B đối với ông Ngô Đình D và bà Huỳnh Thị L.

2. Buộc ông Ngô Đình D và bà Huỳnh Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị B 40.000.000đ tiền hụi và 70.000.000đ tiền vay, tổng cộng số tiền phải trả là 110.000.000đồng (*Một trăm mười triệu đồng*)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành không trả khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Ông Ngô Đình D và bà Huỳnh Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền 110.000.000 đồng x 5% là 5.500.000 đồng

Bà Lê Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả 2.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006025 ngày 16/6/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Phú Quốc;
- THA huyện Phú Quốc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng Tâm